

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÀU BÀNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 29-11-2021

V/v ly hôn và tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÀU BÀNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Minh Tâm.

Ông Huỳnh Thanh Hưng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Kiều Vĩnh Phong – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Giang – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 65/2021/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 4 năm 2021 về việc Ly hôn và tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 58/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 9 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 55/2021/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 10 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Ngọc D, sinh năm 1994; địa chỉ: ấp M, xã H, huyện C, tỉnh Bình Phước, vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1991; địa chỉ: khu phố S, thị trấn U, huyện B, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

NỘI D V U ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 31-3-2021, bản tự khai, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc D trình bày:

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Ngọc D chung sống với anh Nguyễn Văn C từ năm 2014, hôn nhân có tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Lai Uyên, huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 67, Quyển số 01/2014, ngày 02-6-2014. Quá trình chung sống, vợ chồng có thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do mâu thuẫn về

tình cảm, kinh tế. Vợ chồng đã ly thân và không còn sống chung từ năm 2015. Hiện tình cảm vợ chồng không còn, chị D yêu cầu được ly hôn với anh C.

Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng có một con chung là cháu Nguyễn Ngọc Phương Anh, sinh ngày 21-12-2014. Khi ly hôn, chị D yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Ngọc Phương Anh, sinh ngày 21-12-2014, không yêu cầu anh C cấp dưỡng cho con.

Về chia tài sản chung, nợ chung: chị D không tranh chấp về tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Nguyễn Văn C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để lấy lời khai nhưng bị đơn anh Nguyễn Văn C đều vắng mặt không lý do và không có ý kiến trả lời bằng văn bản cho Tòa án đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và cũng không đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, xét xử. Do đó, Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bị đơn.

Tại phiên tòa: nguyên đơn chị D vắng mặt và có đơn xin vắng mặt, nguyên đơn vẫn giữ yêu cầu khởi kiện; bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

Đương sự không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ nào khác.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định về thẩm quyền thụ lý đúng quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc xác định tư cách tham gia tố tụng đúng quy định tại Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc xác minh, thu thập chứng cứ, giao nhận chứng cứ đúng quy định tại các Điều 95 đến Điều 98 Bộ luật Tố tụng dân sự. Trình tự thụ lý, việc giao nhận thông báo thụ lý cho Viện kiểm sát và cho đương sự đúng quy định tại Điều 195, 196 Bộ luật Tố tụng dân sự. Thời hạn chuẩn bị xét xử Thẩm phán thực hiện đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 63, 239, 243, 249, 258, 260 Bộ luật Tố tụng dân sự, Thư ký đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 51, 237 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội D: chị D và anh C trong quá trình chung sống đã có phát sinh mâu thuẫn, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương nhận định:

[1] Về tố tụng: yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Ngọc D về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con. Bị đơn là anh Nguyễn Văn C có nơi cư trú tại khu phố S, thị trấn U, huyện B, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh Nguyễn Văn C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt là chưa thực hiện đúng quy định về quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật. Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Ngọc D chung sống với anh Nguyễn Văn C từ năm 2014, hôn nhân có tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã U (nay là thị trấn U), huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 67, Quyền số 01/2014, ngày 02-6-2014 nên là hôn nhân hợp pháp. Sau thời gian chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do vấn đề tình cảm, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc (theo các biên bản xác minh tình trạng hôn nhân ngày 08-4-2021 của Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng tại Ủy ban nhân dân thị trấn U, huyện Bàu Bàng). Do đó, có cơ sở xác định: chị D và anh C không còn thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau; không còn cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Chị D yêu cầu ly hôn với anh C là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: chị D và anh C có một con chung là cháu Nguyễn Ngọc Phương A, sinh ngày 21-12-2014. Khi ly hôn, chị D yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu Nguyễn Ngọc Phương A, không yêu cầu anh C cấp dưỡng cho con. Xét, cháu Phương A hiện do chị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, chị D có đủ điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc con. Vì vậy, Hội đồng xét xử sẽ giao cháu Nguyễn Ngọc Phương A cho chị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, chị D không yêu cầu cấp dưỡng cho con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết theo quy định tại các Điều 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về chia tài sản chung, nợ chung: các đương sự không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: nguyên đơn chị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[6] Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa về nội D vụ án là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 56, các Điều 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc D đối với bị đơn anh Nguyễn Văn C về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

- Về hôn nhân: cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Ngọc D và anh Nguyễn Văn C.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Ngọc Phương A, sinh ngày 21-12-2014 cho chị Nguyễn Thị Ngọc D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị Nguyễn Thị Ngọc D không yêu cầu anh Nguyễn Văn C cấp dưỡng cho con.

Người không trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung.

Vì quyền lợi hợp pháp của con, Tòa án có thể thay đổi người nuôi con, giải quyết việc cấp dưỡng cho con theo quy định của pháp luật.

- Về chia tài sản chung, nợ chung: các đương sự không tranh chấp về tài sản chung, nợ chung nên Tòa án không giải quyết.

2. Về án phí: chị Nguyễn Thị Ngọc D phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí chị D đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0039351 ngày 01-4-2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bàu Bàng.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Bàu Bàng;
- Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Bàu Bàng;
- Các đương sự;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án (nếu có);
- Lưu: Hồ sơ vụ án, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Quốc Dũng